

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

V/v tuyên truyền, phổ biến các quy
định của pháp luật về đổi, cấp lại Giấy
phép lái xe

Kính gửi:

- Công an tỉnh Quảng Nam;
- Các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các tổ chức Chính trị - Xã hội trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh;
- Bưu điện tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; theo đó, Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam tuyên truyền, phổ biến đến cơ quan, tổ chức, đơn vị và các nhân có liên quan các quy định của pháp luật về đổi, cấp lại Giấy phép lái xe như sau:

1. Trước ngày 01/01/2025

Theo Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (được sửa đổi khoản 11 Điều 4 Thông tư 05/2024/TT-BGTVT), Giấy phép lái xe được phân thành 13 hạng và có thời hạn như sau:

(1) Hạng A1 cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³; người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật. Giấy phép lái xe này không có thời hạn.

(2) Hạng A2 cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh từ 175 cm³ trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1. Giấy phép lái xe này không có thời hạn.

(3) Hạng A3 cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 và các xe tương tự. Giấy phép lái xe này không có thời hạn.

(4) Hạng A4 cấp cho người lái xe để điều khiển các loại máy kéo nhỏ có trọng tải đến 1.000 kg. Giấy phép lái xe này có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.

(5) Hạng B1 số tự động cấp cho người không hành nghề lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô số tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe; Ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg; Ô tô dùng cho người khuyết tật. Giấy phép lái xe này có thời hạn đến khi người lái xe đủ 55 tuổi đối với nữ và đủ 60 tuổi đối với nam; trường hợp người lái xe trên 45 tuổi đối với nữ và trên 50 tuổi đối với nam thì giấy phép lái xe được cấp có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.

(6) Hạng B1 cấp cho người không hành nghề lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe; Ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg; Máy kéo kéo một rơ moóc có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg. Giấy phép lái xe này có thời hạn đến khi người lái xe đủ 55 tuổi đối với nữ và đủ 60 tuổi đối với nam; trường hợp người lái xe trên 45 tuổi đối với nữ và trên 50 tuổi đối với nam thì giấy phép lái xe được cấp có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.

(7) Hạng B2 cấp cho người hành nghề lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô chuyên dùng có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg; Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1. Giấy phép lái xe này có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.

(8) Hạng C cấp cho người lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng, ô tô chuyên dùng có trọng tải thiết kế từ 3.500 kg trở lên; Máy kéo kéo một rơ moóc có trọng tải thiết kế từ 3.500 kg trở lên; Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp.

(9) Hạng D cấp cho người lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe; Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2 và C. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp.

(10) Hạng E cấp cho người lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi; Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C và D. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp.

(11) Người có giấy phép lái xe các hạng B1, B2, C, D và E khi điều khiển các loại xe tương ứng được kéo thêm một rơ moóc có trọng tải thiết kế không quá 750 kg.

(12) Hạng F cấp cho người đã có giấy phép lái xe các hạng B2, C, D và E để điều khiển các loại xe ô tô tương ứng kéo rơ moóc có trọng tải thiết kế lớn hơn 750 kg, sơ mi rơ moóc, ô tô khách nối toa, được quy định cụ thể như sau:

- Hạng FB2 cấp cho người lái xe ô tô để lái các loại xe quy định tại giấy phép lái xe hạng B2 có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho

giấy phép lái xe hạng B1 và hạng B2. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp;

- Hạng FC cấp cho người lái xe ô tô để lái các loại xe quy định tại giấy phép lái xe hạng C có kéo rơ moóc, ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C và hạng FB2. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp;

- Hạng FD cấp cho người lái xe ô tô để lái các loại xe quy định tại giấy phép lái xe hạng D có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D và FB2. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp;

- Hạng FE cấp cho người lái xe ô tô để lái các loại xe quy định tại giấy phép lái xe hạng E có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe: ô tô chở khách nối toa và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D, E, FB2, FD. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp.

(13) Hạng giấy phép lái xe sử dụng cho người lái xe ô tô chở người thực hiện theo quy định tại khoản 9 và khoản 10 Văn bản này. Trường hợp xe thiết kế, cải tạo theo quy định của pháp luật về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có số chỗ ít hơn xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương thì hạng giấy phép lái xe được tính theo xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương

2. Sau ngày 01/01/2025

Theo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ 2024, Giấy phép lái xe được phân thành 15 hạng và có thời hạn như sau:

(1) Hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến 125 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kW. Giấy phép lái xe này không thời hạn;

(2) Hạng A cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh trên 125 cm³ hoặc có công suất động cơ điện trên 11 kW và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1. Giấy phép lái xe này không thời hạn;

(3) Hạng B1 cấp cho người lái xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1. Giấy phép lái xe này không thời hạn;

(4) Hạng B cấp cho người lái xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg. Giấy phép lái xe này có thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp;

(5) Hạng C1 cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500 kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B. Giấy phép lái xe này có thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp;

(6) Hạng C cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B và hạng C1. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

(7) Hạng D1 cấp cho người lái xe ô tô chở người trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

(8) Hạng D2 cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

(9) Hạng D cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

(10) Hạng BE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

(11) Hạng C1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

(12) Hạng CE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

(13) Hạng D1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

(14) Hạng D2E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

(15) Hạng DE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô chở khách nối toa. Giấy phép lái xe này có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

* Ngoài ra, tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 57 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định:

- Người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật được cấp giấy phép lái xe hạng A1.

- Người khuyết tật điều khiển xe ô tô số tự động có kết cấu phù hợp với tình trạng khuyết tật thì được cấp giấy phép lái xe hạng B.

- Người điều khiển xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phải sử dụng giấy phép lái xe có hạng phù hợp với xe ô tô tải hoặc xe ô tô chở người tương ứng.

- Người điều khiển xe ô tô có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn xe cùng loại, kích thước giới hạn tương đương phải sử dụng giấy phép lái xe có hạng phù hợp với xe ô tô cùng loại, kích thước giới hạn tương đương và có số chỗ nhiều nhất.

3. Quy định chuyển tiếp về sử dụng và đổi, cấp lại Giấy phép lái xe sau ngày 01/01/2025 đối với Giấy phép lái xe được cấp trước ngày 01/01/2025

3.1. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày **01/01/2025** được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trên giấy phép lái xe. Nếu chưa thực hiện đổi, cấp lại thì vẫn có hiệu lực sử dụng để điều khiển các loại xe được ghi tại mặt sau của Giấy phép lái xe đã cấp.

Lưu ý: Giấy phép lái xe hạng A1 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có công suất động cơ điện từ 04 kW đến dưới 14 kW; Giấy phép lái xe hạng A2 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có công suất động cơ điện từ 14 kW trở lên;

3.2. Trường hợp người có Giấy phép lái xe đã được cấp trước ngày **01/01/2025** có nhu cầu đổi, cấp lại Giấy phép lái xe thì thực hiện như sau:

- Giấy phép lái xe hạng A1 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A với điều kiện hạn chế là chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW;
- Giấy phép lái xe hạng A2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A;
- Giấy phép lái xe hạng A3 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B1;
- Giấy phép lái xe hạng A4 được đổi, cấp lại sang chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg và chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng;
- Giấy phép lái xe hạng B1 số tự động được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B với điều kiện hạn chế là chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động;
- Giấy phép lái xe hạng B1, B2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B hoặc hạng C1 và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải đến 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng C giữ nguyên và đổi, cấp lại cùng hạng và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng D được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2 và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng E được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng FB2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng BE hoặc hạng C1E và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải đến 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng FC được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng CE và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng FD được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2E và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng FE được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng DE và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg.

Ví dụ minh họa 1: Người có Giấy phép lái xe hạng A1 (gồm giấy phép lái xe bằng giấy và vật liệu PET) cấp trước ngày 01/01/2025 được đổi, cấp lại

sang giấy phép lái xe hạng A với điều kiện hạn chế là chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW, mặt sau của giấy phép lái xe hạng A ghi là: “*Cấp cho người chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW*”;

Ví dụ minh họa 2: Người có Giấy phép lái xe hạng A4 cấp trước ngày 01/01/2025 thì được đổi, cấp lại sang chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.

Ví dụ minh họa 3: Người có Giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp trước ngày 01/01/2025 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B, mặt sau của Giấy phép lái xe ghi là: “Cấp cho người chỉ được điều khiển xe ô tô chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)”.

Từ cơ sở pháp lý nêu trên và đối chiếu với quy định hiện hành, sau ngày **01/01/2025** Giấy phép lái xe đã được cấp trước ngày **01/01/2025** được tiếp tục sử dụng theo thời hạn và các loại phương tiện được ghi trên Giấy phép lái xe. Để tiết kiệm, tránh lãng phí, phát sinh chi phí của người dân, Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam khuyến cáo người dân tiếp tục sử dụng Giấy phép lái xe đã cấp theo đúng thời hạn và các loại phương tiện được ghi trên Giấy phép lái xe; trường hợp có nhu cầu đổi, cấp lại từ nay cho đến trước ngày **01/01/2025** thì Giấy phép lái xe được cấp lại theo quy định tại mục 1 Văn bản này; trường hợp có nhu cầu đổi, cấp lại sau ngày **01/01/2025** thì Giấy phép lái xe được chuyển tiếp như tại mục 3.2 của Văn bản này. Đồng thời, khuyến khích người dân đổi Giấy phép lái xe không thời hạn được cấp trước ngày **01/7/2012** sang Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET và Giấy phép lái xe các hạng bằng vật liệu PET chưa được cập nhật trên ứng dụng điện tử VNeID của công dân.

Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam thông tin đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các nhân có liên quan trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các Phòng thuộc Sở (biết);
- Công thông tin điện tử Sở (đăng tải);
- Bộ phận Một cửa (thực hiện);
- Lưu: VT, QLVT,PT&NL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**